| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ NGA AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 311 /TB-UBND | *Nga An, ngày 21 tháng 10 năm 2026* |

# THÔNG BÁO
## Về việc niêm yết, công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

Thực hiện Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 03/9/2026 của UBND xã Nga An về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; rà soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã Nga An.

UBND xã Nga An thông báo niêm yết, công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau rà soát để Nhân dân biết, theo dõi, giám sát và tham gia ý kiến, cụ thể như sau:

Tổng số danh sách công khai gồm 36 hộ nghèo (92 khẩu) và 240 hộ cận nghèo (707 khẩu) (có danh sách kèm theo Thông báo này).

**1. Địa điểm, hình thức công khai**

- Niêm yết tại trụ sở UBND xã Nga An;

- Niêm yết tại Nhà văn hóa của 12 thôn trên địa bàn xã;

- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử và các trang mạng xã hội chính thức của xã;

- Công khai trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo chức năng và điều kiện của hệ thống.

Đề nghị Trưởng thôn căn cứ danh sách kèm theo Thông báo này, tổ chức in và niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn mình tại Nhà văn hóa thôn; bảo đảm vị trí niêm yết thuận tiện để Nhân dân theo dõi, giám sát và tham gia ý kiến.

**2. Đối soát, kiểm tra thông tin**

Trong thời gian niêm yết, các thôn có trách nhiệm rà soát, đối chiếu thông tin của các thành viên trong hộ, gồm: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số căn cước công

dân và các thông tin có liên quan trong danh sách. Trường hợp phát hiện sai sót, thiếu thông tin hoặc có ý kiến phản ánh, đề nghị tổng hợp, báo cáo UBND xã Nga An (qua Phòng Kinh tế) để kiểm tra, xác minh và điều chỉnh theo quy định.

**3. Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến**

Thời gian niêm yết, công khai: từ ngày 21/10/2026 đến hết ngày 24/10/2026. Trong thời gian niêm yết, các ý kiến phản ánh, kiến nghị liên quan đến danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đề nghị gửi về UBND xã Nga An (qua Phòng Kinh tế) để kiểm tra, xác minh, tổng hợp và xử lý theo quy định.

UBND xã Nga An thông báo để các cơ quan, đơn vị, các thôn và Nhân dân trên địa bàn xã biết, phối hợp thực hiện và giám sát./.

***Nơi nhận:***
- Trung tâm phục vụ hành chính công xã;
- Trung tâm Cung ứng DVC xã (thông báo);
- Nhà Văn hóa 12 thôn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Phạm Ngọc Đỉnh**

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO SAU RÀ SOÁT NĂM 2026**

**(Theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030)**

*(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày / /2026 của UBND xã Nga An)*

## I. DANH SÁCH HỘ NGHÈO (36 HỘ)

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 1 | Thôn Nhân Sơn | Bùi Xuân Thành | Hộ nghèo |
| 2 | | Hoàng Văn Sử | Hộ nghèo |
| 3 | Thôn Quang Minh | Mai Thị Đoan | Hộ nghèo |
| 4 | | Phạm Thị Đệ | Hộ nghèo |
| 5 | | Phạm Văn Thịnh | Hộ nghèo |
| 6 | Thôn Thuần Hậu | Mai Thị Thêu | Hộ nghèo |
| 7 | | Mai Thị Sâm | Hộ nghèo |
| 8 | Thôn Bắc Sơn | Lê Thị Khuyến | Hộ nghèo |
| 9 | Thôn Sơn Hà | Lê Thị Bình | Hộ nghèo |
| 10 | | Nguyễn Thị Liên | Hộ nghèo |
| 11 | Thôn An Tiêm | Mai Thị Điếc | Hộ nghèo |
| 12 | | Đinh Thị Dứa | Hộ nghèo |
| 13 | | Đinh Văn Lương | Hộ nghèo |
| 14 | | Mai Thị Hoá | Hộ nghèo |
| 15 | Thôn Phú Thịnh | Trần Thị Hiệp | Hộ nghèo |
| 16 | | Trần Thị Yêu | Hộ nghèo |
| 17 | | Trần Thị Hồng | Hộ nghèo |
| 18 | | Đinh Thị Gương | Hộ nghèo |
| 19 | | Đinh Văn Tạo | Hộ nghèo |
| 20 | | Mai Văn Khắc | Hộ nghèo |
| 21 | Thôn Phát Hải | TRần Văn Thành | Hộ nghèo |
| 22 | | Nguyễn Văn Thắng | Hộ nghèo |
| 23 | | Nguyễn Văn Đôi | Hộ nghèo |
| 24 | | Phạm Thị Huyền | Hộ nghèo |
| 25 | | Nguyễn Văn Vương | Hộ nghèo |
| 26 | | Trần Thanh Hải | Hộ nghèo |
| 27 | Thôn Chính Đại | Bùi Thị Vừng | Hộ nghèo |
| 28 | | Đinh Văn Toán | Hộ nghèo |
| 29 | | Nguyễn Văn Trị | Hộ nghèo |
| 30 | Thôn Điền Hộ | Nguyễn Văn Chức | Hộ nghèo |
| 31 | | Đỗ Thị Kinh | Hộ nghèo |
| 32 | Thôn Thanh Bình | Nguyễn Văn Lượng | Hộ nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 33 | | Hoàng Văn Vũ | Hộ nghèo |
| 34 | | Nguyễn Thị Đối | Hộ nghèo |
| 35 | | Đinh Thị Gương | Hộ nghèo |
| 36 | | Bùi Văn Bình | Hộ nghèo |

## II. DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO (240 HỘ)

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 1 | Thôn Nhân Sơn | Mai Văn Quý | Hộ cận nghèo |
| 2 | | Trần Văn Trọng | Hộ cận nghèo |
| 3 | | Mai Văn Bảy | Hộ cận nghèo |
| 4 | | Trần Anh Sơn | Hộ cận nghèo |
| 5 | | Mai Văn Thuận | Hộ cận nghèo |
| 6 | | Mai Văn Hồng | Hộ cận nghèo |
| 7 | | Vũ Văn Chinh | Hộ cận nghèo |
| 8 | | Mai Ngọc Cương | Hộ cận nghèo |
| 9 | | Phạm Đình Tuyên | Hộ cận nghèo |
| 10 | | Mai Giang Nam | Hộ cận nghèo |
| 11 | | Trần Trung Hiếu | Hộ cận nghèo |
| 12 | | Lê Huy Thoan | Hộ cận nghèo |
| 13 | | Mai Thị Hường | Hộ cận nghèo |
| 14 | Thôn Quang Minh | Hồ Như Chúng | Hộ cận nghèo |
| 15 | | Mai Thị Mến | Hộ cận nghèo |
| 16 | | Nguyễn Hồng Bích | Hộ cận nghèo |
| 17 | | Mai Thị Mai | Hộ cận nghèo |
| 18 | | Nguyễn Thị Gấm | Hộ cận nghèo |
| 19 | | Mai Văn Hùng | Hộ cận nghèo |
| 20 | | Hà Thị Bạn | Hộ cận nghèo |
| 21 | | Nguyễn Thị Niên | Hộ cận nghèo |
| 22 | | Hà Thị Hữu | Hộ cận nghèo |
| 23 | | Hồ Thị Luật | Hộ cận nghèo |
| 24 | | Phạm Thị Nga | Hộ cận nghèo |
| 25 | | Phạm Thị Láng | Hộ cận nghèo |
| 26 | | Phạm Thị Ty | Hộ cận nghèo |
| 27 | | Mai Thị Mai | Hộ cận nghèo |
| 28 | | Phạm Thị Mây | Hộ cận nghèo |
| 29 | | Hoàng Thị Cậy | Hộ cận nghèo |
| 30 | Thôn Thuần Hậu | Phạm Văn Thường | Hộ cận nghèo |
| 31 | | Mai Thị Thục | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 32 | | Mai Văn Dũng | Hộ cận nghèo |
| 33 | | Phạm Văn Ngần | Hộ cận nghèo |
| 34 | | Mai Thị Liên | Hộ cận nghèo |
| 35 | | Hà Huy Thắng | Hộ cận nghèo |
| 36 | | Phạm Văn Tiến | Hộ cận nghèo |
| 37 | | Nguyễn Thị Chiên | Hộ cận nghèo |
| 38 | | Mai Văn Nho | Hộ cận nghèo |
| 39 | | Nghiêm Văn Hiểu | Hộ cận nghèo |
| 40 | | Hà Văn Hy | Hộ cận nghèo |
| 41 | Thôn Bắc Sơn | Bùi Thị Phượng | Hộ cận nghèo |
| 42 | | Mai Thị Sợi | Hộ cận nghèo |
| 43 | | Phạm Thị Lê | Hộ cận nghèo |
| 44 | | Mai Thị Đượng | Hộ cận nghèo |
| 45 | | Mai Thị Huệ | Hộ cận nghèo |
| 46 | | Nguyễn Thị Thiệp | Hộ cận nghèo |
| 47 | | Đỗ Thị Dần | Hộ cận nghèo |
| 48 | | Trịnh Văn Cấp | Hộ cận nghèo |
| 49 | | Mai Thị Thu Hiền | Hộ cận nghèo |
| 50 | | Mai Thị Chuyển | Hộ cận nghèo |
| 51 | | Phạm Thị Thao | Hộ cận nghèo |
| 52 | | Hoàng Thị Tơ | Hộ cận nghèo |
| 53 | | Mai Thị Hà | Hộ cận nghèo |
| 54 | Thôn Sơn Hà | Phạm Thị Hồng | Hộ cận nghèo |
| 55 | | Phạm Văn Tú | Hộ cận nghèo |
| 56 | | Phạm Thị Đào | Hộ cận nghèo |
| 57 | | Nghiêm Xuân Quảng | Hộ cận nghèo |
| 58 | | Phạm Hữu Thuyết | Hộ cận nghèo |
| 59 | | Nguyễn Đình Cử | Hộ cận nghèo |
| 60 | | Mai Thị Thơm | Hộ cận nghèo |
| 61 | | Mai Thị Pho | Hộ cận nghèo |
| 62 | | Nguyễn Thị Liên | Hộ cận nghèo |
| 63 | | Phạm Hữu Thân | Hộ cận nghèo |
| 64 | | Lê Văn Quế | Hộ cận nghèo |
| 65 | | Nghiêm Thị Điền | Hộ cận nghèo |
| 66 | | Mai Văn Dung | Hộ cận nghèo |
| 67 | | Dương Thị Tuấn | Hộ cận nghèo |
| 68 | Thôn An Tiêm | Trần Văn Khoa | Hộ cận nghèo |
| 69 | | Trần Văn Thao | Hộ cận nghèo |
| 70 | | Trần Văn Đường | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 71 | | Đỗ Thị Tâm | Hộ cận nghèo |
| 72 | | Trịnh Thị Xuân | Hộ cận nghèo |
| 73 | | Hoàng Văn Thiện | Hộ cận nghèo |
| 74 | | Mai Văn Hà | Hộ cận nghèo |
| 75 | | Nguyễn Văn Hà | Hộ cận nghèo |
| 76 | | Phan Văn Luân | Hộ cận nghèo |
| 77 | | Phạm Văn Tính | Hộ cận nghèo |
| 78 | | Nguyễn Thị Điền | Hộ cận nghèo |
| 79 | | Đinh Thị Cầu | Hộ cận nghèo |
| 80 | | Nguyễn Thị Tuyết | Hộ cận nghèo |
| 81 | | Lê Thị Bằng | Hộ cận nghèo |
| 82 | | Nguyễn Thị Nhị | Hộ cận nghèo |
| 83 | | Nguyễn Thị Sáu | Hộ cận nghèo |
| 84 | | Phạm Thị Liên | Hộ cận nghèo |
| 85 | | Phạm Văn Kết | Hộ cận nghèo |
| 86 | | Trần Thị Hoa | Hộ cận nghèo |
| 87 | | Nguyễn Văn Hệ | Hộ cận nghèo |
| 88 | | Trần Văn Đích | Hộ cận nghèo |
| 89 | | Nguyễn Văn Tùng | Hộ cận nghèo |
| 90 | | Trần Văn Hà | Hộ cận nghèo |
| 91 | | Phan Đức Hiến | Hộ cận nghèo |
| 92 | | Phạm Thị Vẻ | Hộ cận nghèo |
| 93 | Thôn Phú Thịnh | Nguyễn Thị Duyên | Hộ cận nghèo |
| 94 | | Trần Thị Hương | Hộ cận nghèo |
| 95 | | Trần Thị Khiếu | Hộ cận nghèo |
| 96 | | Nguyễn Thị Nhường | Hộ cận nghèo |
| 97 | | Vũ Văn Quyết | Hộ cận nghèo |
| 98 | | Đinh Thị Tha | Hộ cận nghèo |
| 99 | | Trần Thị Lý | Hộ cận nghèo |
| 100 | | Trần Thị Thơm | Hộ cận nghèo |
| 101 | | Vũ Thị Cần | Hộ cận nghèo |
| 102 | | Nguyễn Văn Khảm | Hộ cận nghèo |
| 103 | | Nguyễn Thị Dân | Hộ cận nghèo |
| 104 | | Trần Thị Ngan | Hộ cận nghèo |
| 105 | | Trần Văn Lý | Hộ cận nghèo |
| 106 | | Ngô Văn Đáng | Hộ cận nghèo |
| 107 | | Mai Văn Cư | Hộ cận nghèo |
| 108 | | Phạm Thị Lựu | Hộ cận nghèo |
| 109 | | Đăng Thị Bường | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 110 | | Phan Thị Nguyệt | Hộ cận nghèo |
| 111 | | Phạm Văn Nghĩa | Hộ cận nghèo |
| 112 | | Trần Thị Yến | Hộ cận nghèo |
| 113 | | Nguyễn Văn Ưng | Hộ cận nghèo |
| 114 | | Phạm Văn Ngọ | Hộ cận nghèo |
| 115 | | Lê Thị Xuyến | Hộ cận nghèo |
| 116 | | Trần Thị Hường | Hộ cận nghèo |
| 117 | | Trần Văn Kỳ | Hộ cận nghèo |
| 118 | | Nguyễn Thị Xuyến | Hộ cận nghèo |
| 119 | | Hoàng Thị Thú | Hộ cận nghèo |
| 120 | | Lê Văn Vịnh | Hộ cận nghèo |
| 121 | | Hoàng Thị Hương | Hộ cận nghèo |
| 122 | | Trần Thị Hường | Hộ cận nghèo |
| 123 | | Hoàng Thị Tươi | Hộ cận nghèo |
| 124 | | Nguyễn Thị Hải | Hộ cận nghèo |
| 125 | | Hoàng Văn Lương | Hộ cận nghèo |
| 126 | | Trần Thị Thơm | Hộ cận nghèo |
| 127 | | Phạm Văn Phượng | Hộ cận nghèo |
| 128 | Thôn Phát Hải | Trần Thị Ngoan | Hộ cận nghèo |
| 129 | | Trần Thị Hồi | Hộ cận nghèo |
| 130 | | Đinh Thị Bích | Hộ cận nghèo |
| 131 | | Hoàng Văn Thực | Hộ cận nghèo |
| 132 | | Trần Thị Toan | Hộ cận nghèo |
| 133 | | Trần Văn Hải | Hộ cận nghèo |
| 134 | | Mai Thị Dung | Hộ cận nghèo |
| 135 | | Trần Văn Vân | Hộ cận nghèo |
| 136 | | Nguyễn Thị Thông | Hộ cận nghèo |
| 137 | | Nguyễn Văn Hoà | Hộ cận nghèo |
| 138 | | Tạ Văn Thung | Hộ cận nghèo |
| 139 | | Lê Thị Xinh | Hộ cận nghèo |
| 140 | | Phạm Thị Thu | Hộ cận nghèo |
| 141 | | Nguyễn Thị Hoa | Hộ cận nghèo |
| 142 | | Vũ Văn Thực | Hộ cận nghèo |
| 143 | | Trịnh Thị Tư | Hộ cận nghèo |
| 144 | | Nguyễn Thị Duyên | Hộ cận nghèo |
| 145 | | Trần Thị Tốt | Hộ cận nghèo |
| 146 | | Trần Thị Mai | Hộ cận nghèo |
| 147 | | Nguyễn Văn Trọng | Hộ cận nghèo |
| 148 | | Vũ Thị Ren | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 149 | | Trần Văn Phương | Hộ cận nghèo |
| 150 | | Trần Thị Ngoan | Hộ cận nghèo |
| 151 | | Trần Văn Lai | Hộ cận nghèo |
| 152 | | Trần Văn Lượng | Hộ cận nghèo |
| 153 | Thôn Chính Đại | Nguyễn Văn Lệnh | Hộ cận nghèo |
| 154 | | Hoàng Thị Bùi | Hộ cận nghèo |
| 155 | | Nguyễn Thị Dũng | Hộ cận nghèo |
| 156 | | Hoàng Văn Đắc | Hộ cận nghèo |
| 157 | | Chu Phụng Chứ | Hộ cận nghèo |
| 158 | | Đào Văn Hướng | Hộ cận nghèo |
| 159 | | Nguyễn Ngọc Ái | Hộ cận nghèo |
| 160 | | Phạm Văn Huy | Hộ cận nghèo |
| 161 | | Chu Văn Hội | Hộ cận nghèo |
| 162 | | Đinh Văn Nhì | Hộ cận nghèo |
| 163 | | Hồ Bá Thành | Hộ cận nghèo |
| 164 | | Trần Thị Nga | Hộ cận nghèo |
| 165 | | Dương Thị Tuyền | Hộ cận nghèo |
| 166 | | Bùi Văn Huỳnh | Hộ cận nghèo |
| 167 | | Nguyễn Thị Thoa | Hộ cận nghèo |
| 168 | | Nguyễn Thị Thanh | Hộ cận nghèo |
| 169 | | Mai Thị Trang | Hộ cận nghèo |
| 170 | | Nguyễn Văn Đăng | Hộ cận nghèo |
| 171 | | Nguyễn Thị Hiền | Hộ cận nghèo |
| 172 | Thôn Tòng Chính | Phan Thị Tám | Hộ cận nghèo |
| 173 | | Lương Thị Thắm | Hộ cận nghèo |
| 174 | | Nguyễn Thị Cậy | Hộ cận nghèo |
| 175 | | Nguyễn Văn Long | Hộ cận nghèo |
| 176 | | Trần Văn Kiệm | Hộ cận nghèo |
| 177 | | Phạm Văn Phòng | Hộ cận nghèo |
| 178 | | Trần Văn Tú | Hộ cận nghèo |
| 179 | | Trần Văn Thuỵ | Hộ cận nghèo |
| 180 | | Lương Văn Tam | Hộ cận nghèo |
| 181 | | Trần Thị Liên | Hộ cận nghèo |
| 182 | | Nguyễn Văn Tương | Hộ cận nghèo |
| 183 | | Trần Văn Ngôn | Hộ cận nghèo |
| 184 | | Hạ Thị Hoa | Hộ cận nghèo |
| 185 | | Trần Văn Tốt | Hộ cận nghèo |
| 186 | | Nguyễn Thị Liễu | Hộ cận nghèo |
| 187 | | Nguyễn Kim Sơn | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 188 | | Nguyễn Văn Sỹ | Hộ cận nghèo |
| 189 | | Ninh Thị Bê | Hộ cận nghèo |
| 190 | | Nguyễn Văn Hùng | Hộ cận nghèo |
| 191 | | Nguyễn Thị Tho | Hộ cận nghèo |
| 192 | | Ninh Thế Thuỷ | Hộ cận nghèo |
| 193 | | Nguyễn Văn Tám | Hộ cận nghèo |
| 194 | | Trần Thị Tâm | Hộ cận nghèo |
| 195 | Thôn Điền Hộ | Nguyễn Hùng Quyến | Hộ cận nghèo |
| 196 | | Trần Thị Lan | Hộ cận nghèo |
| 197 | | Nguyễn Thị Gấm | Hộ cận nghèo |
| 198 | | Nguyễn Văn Chín | Hộ cận nghèo |
| 199 | | Trần Thị Hoan | Hộ cận nghèo |
| 200 | | Nguyễn Văn Nghĩa | Hộ cận nghèo |
| 201 | | Đinh Văn Kiểm | Hộ cận nghèo |
| 202 | | Nguyễn Sơn Việt | Hộ cận nghèo |
| 203 | | Phạm Thị Tho | Hộ cận nghèo |
| 204 | | Nguyễn Văn Ất | Hộ cận nghèo |
| 205 | | Trần Văn Tú | Hộ cận nghèo |
| 206 | | Nguyễn Văn Hiện | Hộ cận nghèo |
| 207 | | Nguyễn Văn Sử | Hộ cận nghèo |
| 208 | | Trần Thị Tiên | Hộ cận nghèo |
| 209 | | Nguyễn Thị Dâng | Hộ cận nghèo |
| 210 | | Hoàng Thị Lý | Hộ cận nghèo |
| 211 | | Hoàng Văn Hợi | Hộ cận nghèo |
| 212 | | Trần Văn Phi | Hộ cận nghèo |
| 213 | Thôn Thanh Bình | Nguyễn Thị Thuỷ | Hộ cận nghèo |
| 214 | | Trần Thị Phượng | Hộ cận nghèo |
| 215 | | Nguyễn Vinh Cung | Hộ cận nghèo |
| 216 | | Đỗ Văn Khanh | Hộ cận nghèo |
| 217 | | Hoàng Văn Đàm | Hộ cận nghèo |
| 218 | | Nguyễn Văn Long | Hộ cận nghèo |
| 219 | | Đỗ Thị Thơm | Hộ cận nghèo |
| 220 | | Đinh Văn Ái | Hộ cận nghèo |
| 221 | | Nguyễn Thị Ngát | Hộ cận nghèo |
| 222 | | Lê Thị Nguyện | Hộ cận nghèo |
| 223 | | Phạm Văn Tuấn | Hộ cận nghèo |
| 224 | | Trần Thị Hồng | Hộ cận nghèo |
| 225 | | Phạm Thị Thêm | Hộ cận nghèo |
| 226 | | Phạm Thị Nguyệt | Hộ cận nghèo |

| STT | Thôn | Họ và tên chủ hộ | Phân loại |
|---|---|---|---|
| 227 | | Hoàng Thị Rinh | Hộ cận nghèo |
| 228 | | Trần Văn Bình | Hộ cận nghèo |
| 229 | | Trần Văn Hảo | Hộ cận nghèo |
| 230 | | Nguyễn Văn Bái | Hộ cận nghèo |
| 231 | | Nguyễn Thị Đào | Hộ cận nghèo |
| 232 | | Bùi Thị Nhiễu | Hộ cận nghèo |
| 233 | | Nguyễn Văn Hiệp | Hộ cận nghèo |
| 234 | | Đinh Thị Vóc | Hộ cận nghèo |
| 235 | | Nguyễn Thị Mai | Hộ cận nghèo |
| 236 | | Nguyễn Văn Quỳnh | Hộ cận nghèo |
| 237 | | Trần Văn Cần | Hộ cận nghèo |
| 238 | | Trần Văn Dược | Hộ cận nghèo |
| 239 | | Hoàng Văn Hiền | Hộ cận nghèo |
| 240 | | Trần Thị Hương | |

**Tổng cộng: 276 hộ (36 hộ nghèo, 240 hộ cận nghèo).**